

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Nội Bài.

Năm báo cáo: Năm 2009

### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

Tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

Tên giao dịch: NOIBAI AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: NASCO

Vốn điều lệ: 69.298.040.000 đồng (Sáu mươi chín tỷ hai trăm chín mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Logo:



Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội

Điện thoại: 04.3884 0085

Fax: 04.3886 5555

Email: vanphong@nasco.vn

Website: <http://www.nasco.com.vn>

Quyết định phê duyệt phương án kinh doanh và chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần số 3978/QĐ-BGTVT do Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 21 tháng 10 năm 2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 04 năm 2006.

Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 03 năm 2007.

Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 03 năm 2008.

Mã số thuế: 0100108254

## 2. Quá trình phát triển

### + Ngành nghề kinh doanh

- Các dịch vụ chuyên ngành Hàng không: Phục vụ hành khách hạng đặc biệt (Khách thương gia, khách hạng nhất...) tại Sân bay, chở khách bằng ôtô chuyên dụng trong sân đỗ máy bay, dịch vụ kỹ thuật thương mại tại sân bay, làm thủ tục hàng không tại thành phố....

- Mua, nhập khẩu, xuất khẩu, bán buôn và bán lẻ hàng hoá, hàng miễn thuế, hàng bách hoá, hàng lưu niệm...

- Vận chuyển hành khách bằng ôtô: Airport taxi, airport bus...

- Vận chuyển, bảo quản, đóng gói hàng hoá, chuyển phát nhanh hàng hoá bằng đường hàng không trong nước và quốc tế, kho ngoại quan, dịch vụ đóng gói hàng hoá hành lý...

- Du lịch, khách sạn và nhà hàng: Lữ hành trong nước và quốc tế, khách sạn quanh cảnh tại sân bay Nội Bài, các nhà hàng ăn uống giải khát trong và ngoài nhà ga sân bay Nội Bài...

- Các dịch vụ kỹ thuật: Bảo dưỡng sửa chữa ôtô, xe máy, vệ sinh công nghiệp, làm sạch môi trường, giặt là công nghiệp và dân dụng, lắp đặt trang thiết bị điện nước...

- Đại lý cung cấp sản phẩm dịch vụ: Bán vé máy bay, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, thu đổi ngoại tệ, cung cấp xăng dầu và khí hoá lỏng.

- Hoạt động thương mại - dịch vụ khác: Khai thuê hải quan, đón tiễn hành khách đi máy bay, dịch vụ quảng cáo thương mại...

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng và đầu tư tài chính....

+ **Tình hình hoạt động:**

Được thành lập vào ngày 01/07/1993 đến nay, Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài đã có hơn 15 năm xây dựng trưởng thành và đã trở thành một trong những doanh nghiệp thương mại - dịch vụ hàng đầu tại Cảng hàng không Quốc tế của Việt Nam.

Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Nội bài với tiền thân là các bộ phận kinh doanh thương mại - dịch vụ - kỹ thuật của Sân bay Nội Bài, bước đầu chỉ có 6,22 tỷ đồng vốn, tài sản chủ yếu là giá trị phương tiện vận tải với số lượng ôtô gồm 46 chiếc mà gần một nửa số đó là xe cũ đã hoạt động từ 5 – 8 năm. Sau hơn 15 năm hoạt động, Công ty đã chú trọng kiện toàn cơ chế quản lý kinh doanh, củng cố bộ máy tổ chức, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có trọng điểm, mở rộng hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đến nay, cơ cấu tổ chức, quy mô ngành nghề kinh doanh, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản trang thiết bị và tiềm lực kinh tế của Công ty đã lớn mạnh hơn rất nhiều trên tất cả các lĩnh vực: vận tải ôtô, thương mại, miễn thuế và các dịch vụ đồng bộ khác. Số lượng ôtô tăng từ 46 chiếc lên trên 200 chiếc với chủng loại hiện đại và đa dạng hơn, số lượng cửa hàng miễn thuế tăng từ 1 đến 4 với quy mô ngày càng lớn, chủng loại hàng hóa kinh doanh cũng đa dạng và phong phú hơn trước, nhiều ngành nghề mới mẻ ra có quy mô phát triển nhanh chóng như giao nhận, chuyển phát nhanh hàng hóa bằng đường hàng không....

Hiện tại, Công ty cổ phần dịch vụ hàng không Sân Bay Nội Bài có 06 đơn vị xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu với cơ cấu như sau:

Sản phẩm dịch vụ	Đơn vị kinh doanh	Đối tượng sử dụng (tiêu dùng)
Hàng bách hoá, mỹ nghệ, Souvenir	XN DV Thương Mại	Khách đi máy bay trong khu cách ly quốc tế và nội địa
Dịch vụ nhà hàng ăn	XNDV Thương Mại	Khách qua cảng hàng không Nội Bài và CB-CNV làm việc

uống, giải khát		tại Nội Bài
Kinh doanh ăn nhanh	XNDV Thương Mại	Khách đi máy bay trong khu vực cách ly quốc tế và quốc nội
Phục vụ ăn uống cho khách chậm nhỡ chuyến	XNDV Thương Mại / XNDV Tổng hợp	Khách chậm nhỡ chuyến bay tại Sân Bay Nội Bài
Kinh doanh khách sạn	XNDV Du lịch khách sạn	Tiếp viên hàng không, khách chậm nhỡ chuyến, khách vãng lai, CBCNV tại Nội Bài.
Dịch vụ du lịch	XNDV Du lịch khách sạn	Khách có nhu cầu du lịch trong và ngoài nước
Cho thuê mặt bằng, kho tàng	XNDV Thương mại/ XNDV Du lịch Khách sạn	Các đơn vị, xí nghiệp tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài
Dịch vụ điện thoại, telex...	XNDV Du lịch khách sạn XNDV Tổng hợp	Khách đi và đến Cảng hàng không Quốc tế Nội bài.
Vận chuyển hành khách bằng xe Taxi	XN Vận tải Ôtô	Khách đi và đến Cảng hàng không Quốc tế Nội bài.
Vận chuyển hành khách bằng xe Minibus	XN Vận tải Ôtô	Khách đi và đến Cảng hàng không Quốc tế Nội bài.
Vận chuyển hành khách trong sân đỗ máy bay	XN Vận tải Ôtô	Các chuyến bay không sử dụng cầu hành khách tại nhà ga T1
Dịch vụ phục vụ khách First Class	XN DV Tổng hợp	Khách hạng First Class của Vietnamairline và các hãng hàng không khác
Dịch vụ vệ sinh môi trường tại Cảng hàng	XN DV Tổng hợp	Cụm cảng hàng không Miền bắc

không quốc tế Nội Bài		
Uỷ thác vận chuyển hàng hoá trong nước và quốc tế	Chi nhánh Công ty	Cá nhân, tổ chức có nhu cầu vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không
Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không	Chi nhánh Công ty	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua vé máy bay
Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế	Chi nhánh Công ty	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển phát nhanh hàng hoá trong nước và quốc tế
Dịch vụ đóng gói, bốc xếp hàng hoá, hành lý đi máy bay	Chi nhánh Công ty	Hành khách qua cảng hàng không quốc tế Nội Bài
Kinh doanh hàng miễn thuế xuất cảnh	Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Khách quốc tế xuất cảnh qua sân bay quốc tế Nội bài
Hợp tác kinh doanh hàng miễn thuế xuất cảnh	Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Khách quốc tế xuất cảnh qua sân bay quốc tế Nội bài
Kinh doanh hàng miễn thuế trên máy bay	Phòng kinh doanh hàng miễn thuế	Khách đi và đến trên các chuyến bay quốc tế của Vietnamairline.

Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu của Công ty trong giai đoạn 2003-2009 được thể hiện theo bảng dưới đây:

Năm tài chính	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Doanh thu	228	289	358,8	323,8	385,3	458,6	443,7
Lợi nhuận	3,6	12,5	11,8	26,8	42,4	45,3	32,9
Nguồn vốn chủ sở hữu	18,9	31,1	51,1	60,7	92,9	102	104

Bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô ngành nghề kinh doanh, Công ty còn có một đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ quản lý, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao cùng một tập thể đoàn kết, vững mạnh. Chính những điều này đã khẳng định thế đứng và bước phát triển vững chắc của Công ty trong tương lai.

### 3. Định hướng phát triển

#### + Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chấp nhận cạnh tranh như một xu hướng tất yếu, Công ty xác định hướng phát triển chủ yếu nằm ở khâu đầu tư nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ; đa dạng hóa sản phẩm hàng hóa cung cấp; đa dạng kênh phân phối; đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh để trở thành 1 doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề đa lĩnh vực. Những mục tiêu cụ thể của chiến lược phát triển Công ty như sau:

- Về sản phẩm: Sản phẩm dịch vụ của Công ty cung cấp cho khách hàng vẫn xuất phát từ nhu cầu thị trường, chức năng nhiệm vụ của Công ty, mục tiêu cơ bản của chiến lược sản phẩm là: Nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng mức tiêu thụ sản phẩm; giữ vững và phát triển thị phần những ngành nghề đã kinh doanh, do nhu cầu thị trường ngày càng cao. Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, các dịch vụ giá trị gia tăng để mang thêm các lợi ích cho khách hàng và khai thác sử dụng có hiệu quả lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Về giá cả: Do tính chất phức tạp tại thị trường Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, một số lĩnh vực cạnh tranh về giá diễn ra gay gắt, trong khi đó có một số lĩnh vực cạnh tranh chủ yếu về chất lượng. Đối với những lĩnh vực cạnh tranh về giá, Công ty sẽ xây dựng và thực hiện mức giá đảm bảo cạnh tranh nhưng sẽ hướng thị trường vào cạnh tranh chất lượng. Đối với những lĩnh vực mà giá phụ thuộc vào chủ trương phát triển của ngành, Công ty sẽ thực hiện quản lý tốt nhất những chi phí đầu vào để đảm bảo hoạt động có hiệu quả hoặc chịu mức rủi ro thấp nhất.

- Về phân phối sản phẩm: Hiện nay, Công ty cỗ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài chủ yếu thực hiện phân phối trực tiếp. Để thích ứng với sự phát triển của các ngành nghề mới, Công ty sẽ tổ chức thực hiện chiến lược kênh phân phối đa dạng, tùy thuộc vào đối tượng khách hàng và thị trường.

- Về chính sách quảng cáo, tiếp thị sản phẩm: Mục tiêu của chiến lược là ngày một thu hút hơn sự chú ý của khách hàng đến sản phẩm dịch vụ của Công ty. Công ty sẽ thực hiện chiến lược đa dạng hóa hình thức khuyếch trương, chú trọng vào việc đánh giá hiệu quả các chương trình marketing.

- Về ngành nghề kinh doanh: Ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống là dịch vụ hàng không, Công ty tiếp tục mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động của mình trên các lĩnh vực mới như kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính, bảo hiểm... Để đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả sinh lời của đồng vốn, trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện góp vốn đầu tư, bằng việc tìm kiếm, đánh giá các cơ hội đầu tư vào các Công ty Cổ phần trong và ngoài Tổng Công ty hàng không Việt Nam có khả năng phát triển và hiệu quả sinh lời cao.

- Về quản trị doanh nghiệp:

+ Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty. Nghiên cứu các khả năng phát triển sang các ngành nghề liên quan trong quá trình xây dựng chiến lược Công ty.

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến tài sản con người. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

+ ***Chiến lược phát triển trung và dài hạn:***

Công ty dự định tập trung đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng các lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Kinh doanh thương mại:**

+ Công ty tiếp tục đẩy mạnh cải tiến phương thức hoạt động để chiếm lĩnh thị phần chi phối các lĩnh vực kinh doanh: ăn uống cao cấp, kinh doanh thương mại theo hình thức siêu thị, kinh doanh hàng lưu niệm, ăn nhanh và kinh doanh thương mại phổ thông.

+ Tận dụng tốt diện tích mặt bằng kinh doanh hàng bách hóa để tăng doanh thu bán hàng, đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh Souvenir và Fast food phục vụ khách xuất cảnh.

**Kinh doanh khách sạn- dịch vụ du lịch:** Nâng cao chất lượng dịch vụ cho thuê phòng nghỉ, phát triển các dịch vụ đi kèm với hoạt động kinh doanh khách sạn. Phát triển dịch vụ du lịch: kinh doanh lữ hành, làm đại lý bảo hiểm du lịch.

**Dịch vụ vận tải ôtô:**

+ Đầu tư thay thế phương tiện để nâng cao chất lượng phục vụ của dịch vụ vận chuyển hành khách trong sân đỗ máy bay, đáp ứng nhu cầu phục vụ hành khách của Vietnam Airlines và các hãng hàng không khác.

+ Kinh doanh TAXI: Mục tiêu là nâng cao chất lượng phục vụ, đầu tư xe có chất lượng cao. Dự kiến trong Quý IV năm 2010 đầu tư thay thế 30 xe Taxi đã đầu tư các năm 1999,2000.

**Dịch vụ tổng hợp:** Trung tâm khai thác phòng C quốc tế tầng 3 nhà ga T1 mới được đầu tư mới trong năm 2008; thường xuyên chú trọng đầu tư nâng cấp phòng C nội địa, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khác F&C, đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ hành khách của Vietnam Airlines và các hãng hàng không khác.

**Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng không của Chi nhánh Công ty:** Phát triển đại lý vé máy bay; duy trì và phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hóa nội địa và quốc tế; Phát triển dịch vụ đóng gói hàng hóa, hành lý.

**Kinh doanh hàng miễn thuế:** Không ngừng hoàn thiện phương thức phục vụ khách, chiếm lĩnh thị phần chủ yếu trong kinh doanh hàng miễn thuế xuất nhập cảnh, đa dạng hóa các mặt hàng bán tại cửa hàng miễn thuế, duy trì và phát triển hoạt động bán hàng miễn thuế trên máy bay.

## II. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty.

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....)

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện		So sánh 2008	So sánh kế hoạch
	Năm 2008	Năm 2009		
Tổng tài sản	166.429.468.005	195.848.407.577	117,67%	
Vốn điều lệ	49.498.600.000	69.298.040.000	140%	
Tổng doanh thu	458.683.239.111	458.372.503.616	99,93%	105,22%
Lợi nhuận trước thuế	45.309.359.363	35.810.731.022	79,03%	117,96%
Lãi cơ bản trên CP	8.658	5.482	63,31%	
Nộp Ngân sách	8.450.578.164	10.722.626.084	126,88%	
Thu nhập bình quân của CBCNV/Tháng	4.681.846	4.924.648	105,19	

- Trong năm 2009 vừa qua HDQT đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, trong đó có việc hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2008 bằng tiền trên 25 tỷ đồng (tỷ lệ: 52,5%).

- HDQT đã chú trọng chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2009.

- Banh hành và sửa đổi các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

#### *2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)*

- Tổng doanh thu năm 2009 thực hiện đạt trên 458,37 tỷ đồng, vượt 5,22% so với kế hoạch doanh thu năm 2009.

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2009 đạt 35,81 tỷ đồng, vượt 17,96% so với kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2009.

#### *3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)*

- Tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên năm 2009 vào ngày 29/04/2009.

- Tiếp tục ban hành các quy chế, quy định của Công ty cho phù hợp với quy định của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ 8 lần trong năm 2009. Nhiều chủ trương và định hướng chiến lược cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được các thành viên thảo luận và kịp thời thông qua các nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh, về tài chính, kế hoạch đầu tư và các vấn đề cụ thể khác nhằm giải quyết các vướng mắc trong cơ chế quản lý điều hành.

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, kế hoạch đầu tư – xây dựng cơ bản nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### *4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)*

- Chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.
- Chỉ đạo việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên trên 80 tỷ đồng.

- Xây dựng đội ngũ kế thừa cho sự phát triển của Công ty NASCO.
- Đầu tư mở rộng, thay thế, nâng cao năng lực phục vụ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, đa dạng hóa kênh phân phối.
- Đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh mới mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp, tích cực chuẩn bị xây dựng 1 doanh nghiệp mạnh kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực.
- Xây dựng, quảng bá thương hiệu NASCO thành thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực.

### **III. Báo cáo của Ban Giám đốc**

#### **1. Báo cáo tình hình tài chính.**

*Phân tích tình hình tài chính*

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	74,9	71,22
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	25,1	28,78
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	38,7	46,55
Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	61,3	53,45
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,58	2,14
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,98	1,52
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,79
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	10,3	7,1
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	27,2	16,8
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ NVCSH	%	44,4	31,45

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Chỉ tiêu	Kế hoạch ( Triệu đồng)	Thực hiện ( Triệu đồng)	Tỷ lệ HT (%)
<b>Tổng doanh thu</b>	435.606,33	458.372,5	105,22
<b>Tổng chi phí</b>	405.250,09	422.561,77	104,27
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	30.356,24	35.810,73	117,96
<b>Lợi nhuận chia cho các đối tác</b>			
<b>Lợi nhuận sau thuế của Công ty</b> (Thuế TNDN được miễn)	27.320,61	32.919,21	120,49
<b>Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ(%)</b>	39,42	47,5	120,49
<b>Phân phối lợi nhuận sau thuế</b>			
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	277,20	277,20	100
Thưởng ban điều hành Công ty	300,00	300,00	100
Trích quỹ			
- Quỹ dự phòng tài chính	1.352,17	1.471,78	108,8
- Quỹ dự trữ BS vốn DL(Thuế TNDN được miễn)	3.035,62	2.891,52	95,25
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.352,17	1.471,78	108,8
Chia cổ tức	13.860,00	24.254,31	174,99
- Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	20%	35%	175
Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa chia		1.937,83	
<b>Nộp Ngân sách</b>	10.120	11.2	110,67
<b>Lao động ( Người)</b>	1208	1183	97,93

Chỉ tiêu	Kế hoạch ( Tỷ đồng)	Thực hiện ( Tỷ đồng)	Tỷ lệ HT (%)
<b>L Đầu tư trang thiết bị và XDCB</b>			
1. 60 xe Taxi 5 chỗ ( thay thế xe cũ )	26,62	23,9	89,78
2. Xây dựng hệ thống kho hàng hóa và các công trình phụ trợ khu vực trụ sở Công ty.	1,79	1,19	66,24

3. Đầu tư mạng công nghệ thông tin	1,42	0,86	60,7
4. Đầu tư trang thiết bị XDCB khác	0,79	0,65	81,73
<b>II. Đầu tư tài chính vào các DN khác</b>			
1. Đầu tư tài chính vào các Công ty khác năm 2009			

### **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009**

#### **Nguyên nhân tích cực:**

- Có sự lãnh đạo sâu sát của Đảng ủy, các cấp ủy Đảng, đồng thời sự phối hợp và thống nhất ý chí cao giữa cấp ủy các cấp và thủ trưởng đơn vị.
- Mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý và cơ chế quản lý doanh nghiệp tiếp tục được hoàn thiện hơn, tạo chủ động và đồng thuận cao trong chỉ đạo và điều hành.
- Các biện pháp quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh có tính khả thi cao.
- Những danh mục đầu tư thiết thực cho kinh doanh được thực hiện theo đúng tiến độ.
- Đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng góp phần nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu Công ty.
- Quyền lợi, lợi ích của người lao động được đảm bảo, cán bộ - công nhân viên trong Công ty đoàn kết, luôn cố gắng khắc phục khó khăn, có tinh thần trách nhiệm cao trong việc xây dựng Công ty phát triển bền vững.

#### **Nguyên nhân hạn chế:**

- Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều biến động không thuận lợi, cạnh tranh quyết liệt, giá các yếu tố đầu vào tăng cao.
- Sức mua một số loại hàng hóa dịch vụ giảm mạnh do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, lạm phát và biến động tỷ giá hối đoái tại nhiều nước.
- Nhu cầu về vốn, trang thiết bị, mặt bằng kinh doanh tăng nhưng chưa được đáp ứng đầy đủ và kịp thời do cơ chế quản lý Nhà nước.
- Một số lĩnh vực kinh doanh hiệu quả thấp nhưng chưa tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ để nâng cao hiệu quả.

### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

ĐVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	KH NĂM 2010
I	Vốn điều lệ	83.157,64
II	Tổng doanh thu	431.779,74
1	Doanh thu từ HD kinh doanh	421.338,79
2	Doanh thu từ HD khác	10.440,95
-	Thu nhập hoạt động tài chính	5.800,95
-	Thu nhập bất thường	4.640
III	Tổng chi phí	400.137,44
1	Chi phí hoạt động kinh doanh	399.006,77
-	Chi phí tiền lương	71.405,25
-	Khấu hao cơ bản TSCĐ	10.485,21
-	Vốn hàng	212.736,08
-	Nhiên, nguyên, vật liệu, phụ tùng	24.129,97
-	Chi phí công cụ, dụng cụ	3.384,53
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.719,39
-	Chi phí bằng tiền khác	25.624,58
2	Chi phí tài chính	1.130,67
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	31.642,31
V	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	7,32
VI	Lợi nhuận chia đối tác	554
VII	Lợi nhuận sau thuế	28.478,08
VIII	Phân phối lợi nhuận sau thuế	
1	Thù lao HDQT và BKS	309,6
2	Dự kiến thưởng ban điều hành Công ty	300
3	Trích quỹ	2.847,8
4	Chia cổ tức(15%/VĐL)	10.394,7
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa chia	18.083,3
IX	Nộp ngân sách	12.039,42

X	Lao động bình quân	1.235
XI	Tiền lương bình quân/tháng	4,81

• Kế hoạch đầu tư – xây dựng cơ bản:

TT	Danh mục đầu tư	Kế hoạch năm 2010		
		Tổng cộng	CBĐT và thực hiện đầu tư	Dự phòng thực hiện đầu tư
I	<b>Đầu tư trang thiết bị và XDCB</b>			
1	Dự án đầu tư 30 xe taxi 5 chỗ (thay thế xe cũ)	13.500	0	13.500
2	Dự án đầu tư 05 xe 16 chỗ	3.500		3.500
3	Dự án mạng công nghệ thông tin (giai đoạn 2)	522	522	0
4	Xây dựng trạm ăng ten	250	10	240
5	Xây dựng khu tập kết hàng hóa vận chuyển tại Nội Bài (khu đất cạnh trụ sở Công ty)	594,56	594,56	150
II	<b>Đầu tư tài chính vào các DN khác</b>			

#### IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và được thể hiện trong phụ lục đính kèm.

#### V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

##### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

Tổ chức độc lập chịu trách nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không Sân Bay Nội Bài là: Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) và Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (VP – AUDIT - đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán Thế giới Mới).

Địa chỉ: Số 10, ngõ 462 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, HN

Điện thoại: (04) 6288.3366/ 3761.3399

Fax: (04) 3761.5599

Email: [nwa@nwa.vn](mailto:nwa@nwa.vn)

Website: <http://www.nwa.vn>

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính đã:

+ Phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không Sân Bay Nội Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

+ Phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt: Không.

## 2. Kiểm toán nội bộ: Không

## VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty Nasco: Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnamairline).

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Nội Bài (NCTS).

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan.

- Trụ sở: Sân bay Quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội

- Điện thoại: (84.4) 3584 0905 Fax: (84.4) 3584 0906
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103007531
- Vốn điều lệ: 95.850.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty NASCO: 6.694.690.000 đồng, chiếm tỷ lệ 6.98% vốn điều lệ Công ty NCTS.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh kho bãi; Cho thuê kho và bãi đỗ xe; Dịch vụ kiểm tra hàng, cân hàng; Bốc xếp hành lý, hàng hóa đường bộ đường không, đường biển; Dịch vụ hàng chuyển phát nhanh, dịch vụ giao nhận; Vận chuyển bằng đường mặt đất, đường biển, đường hàng không; Đại lý làm thủ tục hải quan; Cho thuê ki ốt, văn phòng mục đích kinh doanh; Các dịch vụ khác hỗ trợ cho vận chuyển.

## VII. Tổ chức và nhân sự

+ Cơ cấu tổ chức của công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG  
SÂN BAY NỘI BÀI**

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

**BAN KIỂM SOÁT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

**Các đơn vị quản lý, tham mưu**

Văn phòng Nasco

Phòng kế hoạch đầu tư

Phòng tài chính kế toán

Phòng Nhân sự

**Các đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Xí nghiệp Thương mại  
HKNB

Xí nghiệp Vận tải Ôtô  
HKNB

Xí nghiệp Dịch vụ  
Tổng hợp HKNB

Xí nghiệp Dịch vụ  
Du lịch khách sạn

Phòng kinh doanh  
miễn thuế

Chi nhánh Nasco

+ Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

**1. Ông Nguyễn Huy Tráng**

- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	25/09/1956
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Nơi đăng ký HKTT:	Số 23 hẻm 370/28/5 tổ 19, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ chuyên ngành kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT
- Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

**2. Bà Nguyễn Thị Giang**

- Giới tính:	Nữ
- Năm sinh:	1959
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Nơi đăng ký HKTT:	Số 15, ngõ 212, phố Hồng Mai, Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế.
- Chức vụ công tác hiện nay:	Quyền trưởng phòng Tổng hợp – Ban TCKT – Tổng Công ty HK Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

**3. Ông Đặng Huy Khôi**

- |  |   |
|--|---|
| - Giới tính:   | Ủy viên                                 |
| - Năm sinh:  | Nam                                     |
| - Quốc tịch:   | 05/05/1960                              |
| - Dân tộc:   | Việt Nam                                |
| - Nơi đăng ký HKTT:                                  | Kinh                                    |
| - Số 4 Khu tập thể Sân bay Nội Bài, sóc sơn, Hà Nội. |   |
| - Trình độ văn hóa:                                  | 12/12                                   |
| - Trình độ chuyên môn                                | Cử nhân kinh tế - CN kế toán.           |
| - Chức vụ công tác hiện nay:                         | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty  |
| - Số cổ phần nắm giữ:                                | 8.470 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ. |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:                   |   |
| - Các khoản nợ đối với Công ty:                      | Không                                   |

**4. Ông Phạm Việt Hưng**

- |   |                                       |
|---|---------------------------------------|
| - Giới tính:  | Ủy viên                               |
| - Năm sinh:   | Nam                                   |
| - Quốc tịch:  | 20/06/1970                            |
| - Dân tộc:  | Việt Nam                              |
| - Nơi đăng ký HKTT:   | Kinh                                  |
| - Số 10A-B2 Tập thể T579 Bộ tư lệnh Thông tin, Hào Nam, Phường ô chợ dừa, Đồng Da, Tp. Hà Nội |                                       |
| - Trình độ văn hóa:   | 12/12                                 |
| - Trình độ chuyên môn   | Kỹ sư kinh tế - CN kinh tế xây dựng   |
| - Chức vụ công tác hiện nay:  | Ủy viên HĐQT                          |
| - Số cổ phần nắm giữ:   | 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:  | Không                                 |
| - Các khoản nợ đối với Công ty:   | Không                                 |

**5. Ông: Lương Đình Quang**

- |              |         |
|--------------|---------|
| - Giới tính: | Ủy viên |
| - Năm sinh:  | Nam     |
| -            | 1976    |

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký HKTT: Tp Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT
- Số cổ phần nắm giữ: Đại diện Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín sở hữu: 737.814 cổ phần, chiếm 10,64 % vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**\* Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên.****1. Bà Nguyễn Thị Thiên Kim**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký HKTT: Số 31, ngách 399/22 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - CN kế toán GTVT
- Chức vụ công tác hiện nay: CV Ban TCKT Tổng công ty hàng không Việt Nam - Trưởng ban kiểm soát
- Số cổ phần nắm giữ: 1.540 cổ phần, chiếm 0,022% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Trưởng Ban kiểm soát****2. Ông Trần Thanh An**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 30/11/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

**Ủy viên ban kiểm soát**

- Nơi đăng ký HKTT:	Số 13 Đặng Dung, Ba Đình, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - CN kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên BKS – Phó phòng TCKT Xí nghiệp vận tải ô tô.
- Số cổ phần nắm giữ:	2.002 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,029% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
<b>3. Bà Trần Mai Hạnh</b>	<b>Ủy viên ban kiểm soát</b>
- Giới tính:	Nữ
- Năm sinh:	1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Nơi đăng ký HKTT:	Láng Hạ, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế -
- Chức vụ công tác hiện nay:	Chuyên viên ban TCKT – Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

+ *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:*

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31/12/2009 là 1.183 người.
- Thu nhập bình quân của Cán bộ, viên chức: 4,68 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của nhà nước quy định cho người lao động. Phối hợp với Công đoàn thực hiện các phúc lợi khác như chế độ cho lao động nữ, trợ cấp hoặc các hình thức chăm lo khác cho gia đình nhân viên.

- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức, trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo trong và ngoài nước, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho viên chức kỹ thuật, trực tiếp sản xuất...

+ *Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:*

**Ban Giám đốc:** 02 thành viên và Kế toán trưởng

**1 Đặng Xuân Cử**

- |                                    |  |
|------------------------------------|--|
| - Giới tính:                       | Nam  |
| - Năm sinh:                        | 12/06/1955   |
| - Quốc tịch:                       | Việt Nam   |
| - Dân tộc:                         | Kinh   |
| - Nơi đăng ký HKTT:                | Số 86 Ngách 200/28 tổ 22, Phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội. |
| - Trình độ văn hóa:                | 12/12  |
| - Trình độ chuyên môn              | Cử nhân kinh tế- CN Quản trị kinh doanh                    |
| - Chức vụ công tác hiện nay:       | Giám đốc điều hành   |
| - Số cổ phần nắm giữ:              | 4.466 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ công ty            |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không  |
| - Các khoản nợ đối với Công ty:    | Không  |

**Giám đốc điều hành**

**2. Ông Đặng Huy Khôi:**

**Phó Giám đốc**

(Vui lòng xem Phần Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)

**3.Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

**Kế toán trưởng**

- |              |          |
|--------------|----------|
| - Giới tính: | Nữ       |
| - Năm sinh:  | 1968     |
| - Quốc tịch: | Việt Nam |

- |                                    |  |
|------------------------------------|--|
| - Dân tộc:                         | Kinh   |
| - Nơi đăng ký HKTT:                | Định Bảng, Tiên Sơn, Bắc Ninh  |
| - Trình độ văn hóa:                | 12/12  |
| - Trình độ chuyên môn              | Cử nhân kinh tế - CNQTKD thương mại;<br>Thạc sĩ quản trị kinh doanh. |
| - Chức vụ công tác hiện nay:       | Kế toán trưởng Công ty   |
| - Số cổ phần nắm giữ:              | 20.818 cổ phần, chiếm tỷ 1,02% vốn điều lệ.                          |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không  |
| - Các khoản nợ đối với Công ty:    | Không  |

### VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty.

#### 1:Cổ đông góp vốn trong nước.

Cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước đến ngày 31/12/2009:

CỔ ĐÔNG	Tổng số vốn cổ phần		
	Tổng số tiền	SL cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông sở hữu vốn Nhà nước (Tổng công ty Hàng không Việt Nam- VNA)	35.342.000.000	3.534.200	51%
Cổ đông tổ chức bên ngoài	10.779.920.000	1.077.992	15,55%
Cổ đông là cá nhân ngoài công ty	8.683.470.000	868.347	12,53%
Cổ đông là cán bộ viên chức Công ty.	14.492.650.000	1.449.577.000	20,91%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.298.040.000</b>	<b>6.929.804</b>	<b>100 %</b>

2. Các cổ đông lớn của Công ty NASCO (có tỷ lệ vốn góp từ 5% trở lên/Tổng vốn điều lệ):

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ góp vốn

Tổng công ty hàng không Việt Nam(Vietnam Airlines)	Quận Long Biên, Tp. Hà Nội	3.534.200	51%
Công ty cp đầu tư Sài Gòn Thương Tín	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh	737.814	10,64%

**3. Cổ đông nước ngoài:** Không có cổ đông nước ngoài.

Hà nội, ngày 30 tháng 03 năm 2010



Đặng Xuân Cử